

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 4 – 2023

“V/v Ly hôn giữa
bà V và ông X”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thái Quân
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN P, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:**

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà V, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông X, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng nơi thường trú: tổ 08, ấp L, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà V trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: năm 1996 thông qua mai mối bà và ông X đồng ý kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện A, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 09/HT, quyển số 01/2012, ngày 30/01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông X ham chơi cờ bạc, đến năm 2015 ông X có quan hệ ngoại tình và vẫn chơi cờ bạc, bà khuyên bảo nhưng ông X không nghe, vì con bà cố gắng chịu đựng. Năm 2022 gia đình khó khăn về tài chính, nên cả nhà đi làm công nhân tại tỉnh N, ở cùng nhà trọ, tại đây ông X

vẫn chứng nào, tật đó. Tháng 3/2022 bà không chịu đựng được nữa nên đuổi ông X và ông X đi ở nhà trọ khác, từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Thời gian ly thân vài lần ông X có hàn gắn trở lại sống chung, bà không đồng ý, vì ông X ăn chơi, ngoại tình hết tiền bạc, nhiều lần bà đã bỏ qua, gần đây ông X lấy tiền của bà (80.000.000đ) để ăn chơi. Nay, bà V không còn tình cảm, bà yêu cầu ly hôn ông X.

- Nuôi con chung: có 03 con chung tên Huỳnh V1, sinh năm 1997, Huỳnh K, sinh năm 1998, Vinh và Khang đã có vợ con, Huỳnh N, sinh năm 2001 đã thành niên và có việc làm ổn định, tự nuôi sống bản thân. Bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về chia tài sản chung: bà và ông X tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có.

- Bị đơn là ông X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của ông X.

Tại Bản ý kiến ngày 09 tháng 3 năm 2023 của anh Huỳnh V1 cho biết, anh là con ruột bà V và ông X. Năm 2022, cha mẹ chuyển đến huyện Th, tỉnh N ở chung trọ với anh để làm công nhân. Ông X và bà V có cự cãi nhau do ông X ăn chơi, cờ bạc, gây nợ nần gần trăm triệu đồng, anh và mẹ phải trả nợ. Đến tháng 02/2022, ông X ngoại tình nên ông bà mâu thuẫn nhiều hơn, thường xuyên cự cãi, bà V nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông X vẫn không nghe. Tháng 03/2022, ông X bỏ đi, sống ở nhà trọ khác và ông bà ly thân cho đến nay. Ông X có đến gặp bà V xin hàn gắn nhưng bà không đồng ý do cảm thấy ông X không thật lòng. Đến tháng 10/2022, ông X tự lấy 80.000.000 đồng tiền của bà V tiêu xài cá nhân. Anh nhận thấy cha mẹ tình cảm đã hết, mẹ yêu cầu ly hôn cha, anh đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông X, được anh K1 - Phó ấp L, xã H, huyện P, tỉnh An Giang cho biết, ông X có đăng ký thường trú tại tổ 08, ấp L, xã Phú H, huyện P, tỉnh An Giang, hiện nay ông X không có ở nơi cư trú, ông đi làm khoảng 03 – 04 tháng về thăm nhà rồi đi tiếp. Về việc mâu thuẫn giữa ông X và bà V thì địa phương không rõ, chỉ biết ông X và bà V không còn sống chung khoảng 01 năm nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông X theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, hiện các con chung đều đã trưởng thành, có công việc, có thu nhập tự nuôi sống bản thân, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí bà V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông X, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ

hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà V và ông X.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của bà V và ông X là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thấy rằng, vợ chồng mâu thuẫn do ông X thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, không lo gia đình mà gây nợ nần và có quan hệ ngoại tình, bỏ mặc bà V muốn sống ra sao thì sống. Mặc dù vậy nhiều lần bà V đã tạo cơ hội cho ông X sửa đổi, nhưng ông X vẫn không sửa đổi. Ông bà đã ly thân từ tháng 3 năm 2022, từ khi bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn đến nay ông X vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng, con cái cũng nhận thấy ông bà không thể trở lại sống chung và đề nghị Tòa án cho ly hôn. Cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa bà V và ông X.

[2.2] Về nuôi con chung: anh Huỳnh V1, Huỳnh K đã có vợ con, riêng chị Huỳnh N đã thành niên đang làm công nhân, có thu nhập tự nuôi sống bản thân. Bà V không có yêu cầu giải quyết về con chung, nên Tòa án không đề cập.

[2.3] Về chia tài sản: bà V không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: ghi nhận bà V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà V và ông X trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm, bà V phải chịu án phí hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà V và ông X. Giấy chứng nhận kết hôn số 09/HT, quyển số 01/2012 ngày 30/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã H1, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: bà V và ông X có 03 con chung tên Huỳnh V1, sinh năm 1997, Huỳnh K, sinh năm 1998 và Huỳnh N, sinh năm 2001. Cả 03 con đã thành niên.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận bà V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà V và ông X trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Bà V phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005803 ngày 23-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã H1, huyện A,
- Tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương